



THÔNG BÁO

DANH SÁCH NHÀ GIÁO ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NĂM 2021

STT	Họ và tên	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tỷ lệ (%) PCTN hiện giữ	Tỷ lệ (%) PCTN được hưởng	Thời gian được hưởng từ tháng	Ghi chú
1	2	4		8	13	14
1	Ngô Xuân Hoàng	7/1987	33%	34%	7/2021	
2	Nguyễn Văn Bình	5/1990	30%	31%	5/2021	
3	Dương Anh Đức	5/1998	22%	23%	5/2021	
4	Nguyễn Mạnh Cường	6/2005	15%	16%	6/2021	
5	Lương Anh Dân	1/2005	15%	16%	1/2021	
6	Nguyễn Mạnh Cường	01/2008	12%	13%	1/2021	
7	Mai Thanh Tùng	8/2004	16%	17%	8/2021	
8	Trần Minh Trường	9/1999	21%	22%	9/2021	
9	Trần Anh Sơn	01/2010	10%	11%	1/2021	
10	Nguyễn Thị Minh Huệ	01/2013	7%	8%	1/2021	
11	Nông Văn Ứt	9/1989	31%	32%	9/2021	
12	Phạm Ngọc Quý	01/2008	12%			Nghỉ ốm dài ngày
13	Nguyễn Thành Đồng	1/1999	21%	22%	1/2021	
14	Nguyễn Thị Sao	9/1996	24%	25%	9/2021	
15	Phạm Đình Tiệp	01/2008	12%	13%	1/2021	
16	Trần Trung Dũng	01/2008	12%	13%	1/2021	
17	Trần Anh Trang	4/2006	14%	15%	4/2021	
18	Nguyễn Văn Hạnh	1/1995	25%	26%	1/2021	
19	Nguyễn Thị Lệ Hằng	4/2006	14%	15%	4/2021	
20	Nguyễn T Thu Hoài	10/2003	17%	18%	10/2021	
21	Hoàng Thế Hải	3/2011	9%	10%	3/2021	
22	Nguyễn Hải Vân	7/2011	9%	10%	7/2021	
23	Trần Quang Hanh	8/1998	22%	23%	8/2021	
24	Đông Quang Tân	4/2006	14%	15%	4/2021	
25	Hoàng Văn Huynh	5/2006	14%	15%	5/2021	

26	Nguyễn Xuân Tiến	6/2005	15%	16%	6/2021	
27	Phạm Đức Hùng	4/2006	14%	15%	4/2021	
28	Võ Thị Ngọc	9/1996	24%	25%	9/2021	
29	Phan Thanh Chương	9/1996	24%	25%	9/2021	
30	Nguyễn Mạnh Hà	7/2004	16%	17%	7/2021	
31	Trần Thị Tuyết Lan	10/2003	17%	17%	10/2021	
32	Đỗ Thái Hoà	10/2004	16%	17%	10/2021	
33	Bùi Viết Thành	4/2007	13%	14%	4/2021	
34	Vũ Thị Ánh Ngọc	6/2005	15%	15%	6/2021	
35	Vũ Mạnh Thủy	4/2006	14%	15%	4/2021	
36	Phạm Thị Thu Huyền	02/2008	12%	13%	2/2021	
37	Nguyễn Đức Chính	08/2008	12%	13%	8/2021	
38	Nguyễn Thị Hạnh	08/2008	12%	13%	8/2021	
39	Lê Thị Minh Tân	08/2008	12%	13%	8/2021	
40	Nguyễn Thị Thắm	02/2009	11%	12%	2/2021	
41	Nguyễn Văn Đông	01/2008	12%	13%	1/2021	
42	Lê Thị Minh Nguyệt	01/2008	12%	13%	1/2021	
43	Đỗ Thị Hương	01/2008	12%	13%	1/2021	
44	Trần Thị Thu Hằng	01/2008	12%	13%	1/2021	
45	Nguyễn Xuân Vinh	1/2007	13%	14%	1/2021	
46	Lã Đỗ Khánh Linh	07/2009	11%	12%	7/2021	
47	Ma Thị Thuý Vân	4/2007	13%	14%	4/2021	
48	Đỗ Thị Hà	02/2008	12%	13%	2/2021	
49	Đỗ Thị Vân Giang	08/2009	11%	12%	8/2021	
50	Lê Thị Thu	04/2009	11%	12%	4/2021	
51	Ninh Văn Quý	04/2010	10%	11%	4/2021	
52	Nguyễn Thị Thu Hà	04/2010	10%	11%	4/2021	
53	Vũ Thị ễnh Huyền	01/2011	9%	10%	1/2021	
54	Nguyễn Thị Phương Thảo	7/2011	9%	10%	7/2021	
55	Đinh Ngọc Bách	7/2011	9%	10%	7/2021	
56	Đoàn Thị Phương	7/2011	9%	10%	7/2021	
57	Nguyễn Thị Xuyên	2/2013	7%	8%	2/2021	
58	Trương Thị Tính	01/2013	7%	8%	1/2021	
59	Quyên Thị Dung	01/2013	7%	8%	1/2021	

60	Trần Lê Duy	01/2008	12%	13%	1/2021	
61	Nguyễn Thị Văn Chi	4/2007	13%	14%	4/2021	
62	Le Thị Phương	4/2007	13%	14%	4/2021	
63	Nguyễn Thị Anh Hoa	02/2009	11%	12%	2/2021	
64	Trương Thu Hương	02/2009	11%	12%	2/2021	
65	Lê Thị Bích Ngọc	02/2009	11%	12%	2/2021	
66	Hoàng Thị Hồng Thúy	07/2011	9%	10%	7/2021	
67	Hồ Thị Thanh Phương	04/2009	11%	12%	4/2021	
68	Nguyễn Thị Tâm	04/2009	11%	13%	4/2021	
69	Trần Thị Tuyết Nhung	01/2008	12%	13%	1/2021	
70	Dương Thu Phương	01/2008	12%	13%	1/2021	
71	Nguyễn T.Quỳnh Hương	07/2010	10%	11%	7/2021	
72	Nguyễn Phương Thảo	07/2011	9%	10%	7/2021	
73	Hồ Thị Đàn	01/2013	7%	8%	1/2021	
74	Vũ Bạch Diệp	01/2013	7%	8%	1/2021	
75	Phùng Thị Hải Yến	11/1999	21%	22%	11/2021	
76	Nguyễn Thị Loan	7/1998	22%	23%	7/2021	
77	Hà Thị Thu Hằng	02/2008	12%	13%	2/2021	
78	Hoàng Thị Lý	11/2008	12%	13%	11/2021	
79	Lê Thị Ánh	04/2009	11%	12%	4/2021	
80	Nguyễn Thị Lập	01/2003	17%	18%	1/2021	
81	Võ Việt Cường	01/2008	12%	13%	1/2021	
82	Hữu Thị Hồng Hoa	01/2008	12%	13%	1/2021	
83	Nguyễn Quốc Khánh	01/2008	12%	13%	1/2021	
84	Nguyễn Thị Lê Thảo	01/2013	7%	8%	1/2021	
85	Trần Thị Thu Hiền	07/2011	9%	10%	7/2021	
86	Nguyễn Thị Bích Ngà	01/2011	9%	10%	1/2021	
87	Hoàng Anh Dũng	01/2011	8%	9%	1/2021	
88	Đặng Văn Nghiệp	07/2011	9%	10%	7/2021	
89	Hà Thị Anh	07/2011	9%	10%	7/2021	
90	Trần Thị Huệ	05/2011	9%	10%	5/2021	
91	Phạm Thị Hồng	07/2011	9%	10%	7/2021	
92	Nguyễn Hoàng Giang	01/2012	8%	9%	1/2021	



93	Vũ Đình Thành	01/2012	8%	9%	1/2021	
94	Ngô Quang Hùng	01/2012	8%	9%	1/2021	
95	Bùi Thị Hương	01/2012	8%	9%	1/2021	
96	Mã Thị Hằng	01/2012	8%	9%	1/2021	
97	Nguyễn Thị Hương	07/2012	8%	9%	7/2021	
98	Trần Văn Tấn	07/2020	9%	10%	7/2021	
99	Đỗ Cao Chính	01/2016		5%	1/2021	
100	Trương Đức Cường	01/2016		5%	1/2021	
101	Vũ Nguyên Hải	01/2016		5%	1/2021	
102	La Thị Cẩm Vân	01/2016		5%	1/2021	
103	Lê Văn Quang	4/2021		5%	4/2021	
104	Nguyễn Xuân Thế	4/2021		5%	4/2021	
105	Phạm Quang Huy	4/2021		5%	4/2021	
106	Trần Hồng Hải	4/2021		5%	4/2021	
107	Vương Thị Như Yến	4/2021		5%	4/2021	
108	Lý Thị Thu Hường	4/2021		5%	4/2021	

Ấn định danh sách: 107/108 người